

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2015**

---

*Hà Tĩnh, tháng 3 năm 2016*



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 39



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH

167 Hà Huy Tập, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hồng Phúc	Chủ tịch
Ông Đào Viết Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Đăng Phát	Thành viên
Ông Lê Quốc Khánh	Thành viên
Ông Võ Đức Nhân	Thành viên

#### Ban Kiểm soát

Bà Mai Thị Liên	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Bích Xuân	Thành viên
Ông Lê Sỹ Tuấn	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

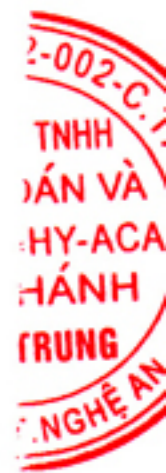
Ông Lê Hồng Phúc	Tổng Giám đốc
Ông Đào Viết Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Phát	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Ông Lê Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Đức Nhân	Phó Tổng Giám đốc

### CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính này.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY AÇA – Chi nhánh Miền Trung.





**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**LÊ HỒNG PHÚC**  
Tổng Giám đốc  
Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 3 năm 2016





**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 15/3/2016, từ trang 06 đến trang 39 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**NGUYỄN DUY TUẤN**

**Giám đốc**

Giấy CNDKHN kiểm toán số 1951-2014-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN  
UHY ACA – CHI NHÁNH MIỀN TRUNG**

*Nghệ An, ngày 15 tháng 3 năm 2016*

**NGUYỄN ANH DŨNG**

**Kiểm toán viên**

Giấy CNDKHN kiểm toán số 1379-2014-112-1

002-C  
NH  
IN VÀ  
IY-AC  
IÁNH  
RUNG  
NGHỆ



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>120.576.771.099</b>	<b>110.660.337.832</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>10.396.721.977</b>	<b>12.966.930.112</b>
111	1. Tiền		10.396.721.977	12.966.930.112
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>58.947.519.061</b>	<b>50.210.158.104</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		54.254.753.501	47.077.302.830
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.416.001.115	1.013.413.784
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	5	3.276.764.445	2.119.441.490
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>6</b>	<b>50.912.942.294</b>	<b>46.171.607.748</b>
141	1. Hàng tồn kho		50.912.942.294	46.171.607.748
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>319.587.767</b>	<b>1.311.641.868</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	26.785.593	774.697.533
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		292.802.174	363.092.574
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	12	-	173.851.761
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>92.541.428.954</b>	<b>96.436.124.228</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>83.195.370.660</b>	<b>71.657.003.697</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	81.893.770.660	70.355.403.697
222	- Nguyên giá		127.642.525.615	105.216.051.042
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(45.748.754.955)	(34.860.647.345)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	1.301.600.000	1.301.600.000
228	- Nguyên giá		1.301.600.000	1.301.600.000
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>7</b>	<b>2.026.110.940</b>	<b>15.048.474.767</b>
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.026.110.940	15.048.474.767
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>7.319.947.354</b>	<b>9.730.645.764</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	7.319.947.354	9.730.645.764
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>213.118.200.053</b>	<b>207.096.462.060</b>





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

Tại ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>137.360.925.799</b>	<b>133.922.277.092</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>90.241.648.736</b>	<b>83.325.022.673</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		43.084.225.203	35.520.118.741
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		841.227.818	114.273.639
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	586.932.741	1.304.246.057
314	4. Phải trả người lao động		5.069.892.099	3.483.650.946
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	2.984.293.847	1.265.893.168
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	280.000.000
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	14	5.692.036.971	4.551.334.454
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	11	31.813.431.163	36.487.136.368
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		169.608.894	318.369.300
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>47.119.277.063</b>	<b>50.597.254.419</b>
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	11	45.611.309.340	49.850.453.117
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	15	1.507.967.723	746.801.302
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>75.757.274.254</b>	<b>73.174.184.968</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16</b>	<b>75.757.274.254</b>	<b>73.174.184.968</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		58.513.100.000	58.513.100.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		58.513.100.000	58.513.100.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.223.600.000	2.223.600.000
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		7.590.810.784	7.090.810.784
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.429.763.470	5.346.674.184
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		7.429.763.470	5.346.674.184
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>213.118.200.053</b>	<b>207.096.462.060</b>



Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



**BÙI THỊ HOA**

**NGUYỄN ĐĂNG PHÁT**

**LÊ HỒNG PHÚC**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	364.249.138.013	322.094.693.487
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	7.377.486.305	4.263.232.866
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		356.871.651.708	317.831.460.621
11	4. Giá vốn hàng bán	20	275.490.200.918	250.995.638.666
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		81.381.450.790	66.835.821.955
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	153.595.853	218.171.565
22	7. Chi phí tài chính	22	4.612.078.419	5.122.135.698
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		4.496.415.117	5.060.872.587
25	8. Chi phí bán hàng	23	48.999.905.674	43.062.419.475
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		17.842.190.343	13.160.632.909
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.080.872.207	5.708.805.438
31	11. Thu nhập khác	24	60.043.094	1.270.634.481
32	12. Chi phí khác	25	53.735.300	107.264.569
40	13. Lợi nhuận khác		6.307.794	1.163.369.912
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.087.180.001	6.872.175.350
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	1.691.960.540	1.351.604.827
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		8.395.219.461	5.520.570.523
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	1.435	943
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		1.435	943

Người lập biểu



**BÙI THỊ HOA**

Kế toán trưởng



**NGUYỄN ĐĂNG PHÁT**

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 3 năm 2016

Tổng Giám đốc



**LÊ HỒNG PHÚC**



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm 2015	Năm 2014
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>10.087.180.001</b>	<b>6.872.175.350</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	10.888.107.610	7.349.950.357
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(307.337)	(7.162.034)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(153.288.516)	(273.736.804)
06	- Chi phí lãi vay	4.496.415.117	5.060.872.587
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>25.318.106.875</b>	<b>19.002.099.456</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu	(8.493.218.796)	(609.470.985)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	(4.741.334.546)	4.986.285.613
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	10.766.665.038	(4.858.440.402)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	3.158.610.350	(2.398.572.078)
14	- Tiền lãi vay đã trả	(4.496.415.117)	(5.060.872.587)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(1.637.566.285)	(2.723.280.456)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	761.166.421	1.540.563.830
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(488.282.927)	(342.355.434)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20.147.731.013</b>	<b>9.535.956.957</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(9.292.838.019)	(15.163.873.534)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	62.727.273
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	153.288.516	211.009.531
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(9.139.549.503)</b>	<b>(14.890.136.730)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
33	3. Tiền thu từ đi vay	217.120.933.893	198.835.343.401
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	(226.033.782.875)	(180.993.409.281)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(4.665.848.000)	(3.459.742.410)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(13.578.696.982)</b>	<b>14.382.191.710</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>(2.570.515.472)</b>	<b>9.028.011.937</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>12.966.930.112</b>	<b>3.931.756.141</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	307.337	7.162.034
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>10.396.721.977</b>	<b>12.966.930.112</b>

Người lập biểu



**BÙI THỊ HOA**

Kế toán trưởng



**NGUYỄN ĐĂNG PHÁT**

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 3 năm 2016  
Tổng Giám đốc



**LÊ HỒNG PHÚC**



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh (sau đây gọi là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 3000104879 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2004, thay đổi lần thứ 10 ngày 08 tháng 09 năm 2014.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 31/12/2015 là 58.513.100.000 đồng chia thành 5.851.310 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Vốn thực góp tại ngày 31/12/2015 là 58.513.100.000 đồng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2015 là 576 người (tại ngày 31/12/2014 là 553 người).

#### **1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh, bán buôn, bán lẻ và xuất nhập khẩu thuốc chữa bệnh; Sản xuất nguyên phụ liệu, sản xuất thuốc, hoá chất, dược liệu, thực phẩm dinh dưỡng, chất tẩy rửa dùng cho người;
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất rượu vang; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: sản xuất đồ uống không cồn; Bán buôn đồ uống;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ và xuất nhập khẩu nguyên phụ liệu sản xuất thuốc, hoá chất, dược liệu, mỹ phẩm, thực phẩm thuốc, thực phẩm dinh dưỡng, chất tẩy rửa dùng cho người. Bán lẻ vắc xin, sinh phẩm y tế;
- Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc sức khoẻ, khám chữa bệnh, phục hồi chức năng. Tư vấn thuốc và sức khoẻ;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn và xuất nhập khẩu nguyên phụ liệu sản xuất thuốc, hoá chất, dược liệu, thực phẩm thuốc, thực phẩm dinh dưỡng, chất tẩy rửa dùng cho người, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế; Bán buôn vắc xin, sản phẩm y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ nước uống tinh khiết, nước giải khát; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê văn phòng, tài sản trên đất;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn giám sát, thi công các công trình lắp đặt, xây dựng máy móc thiết bị y tế và dược phẩm;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xây dựng, thi công, lắp đặt các công trình, máy móc, thiết bị y tế và dược phẩm; Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng

### **1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Công ty có trụ sở chính và các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên đơn vị:

Địa chỉ:

Trụ sở chính	167 Hà Huy Tập, phường Nam Hà, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
Chi nhánh T.P Hà Nội	Số 3, ngõ 122, đường Láng, quận Đống Đa, TP Hà Nội
Chi nhánh T.P Hồ Chí Minh	68/118 Đồng Nai, phường 15, quận 10, TP Hồ Chí Minh
Chi nhánh tỉnh Thanh Hoá	510 Hải Thượng Lãn Ông, TP Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá
Chi nhánh huyện Lộc Hà	Xóm 1, xã Thạch Mỹ, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh
Chi nhánh huyện Kỳ Anh	Khu phố 2, thị trấn Kỳ Anh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
Chi nhánh TP Hà Tĩnh	167 Hà Huy Tập, phường Nam Hà, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
Chi nhánh huyện Thạch Hà	Khối 10, thị trấn Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
Chi nhánh huyện Cẩm Xuyên	Tổ 13, thị trấn Cẩm Xuyên, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh
Chi nhánh huyện Can Lộc	Khối 6B, thị trấn Nghèn, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh
Chi nhánh thị xã Hồng Lĩnh	Khối 4, phường Bắc Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
Chi nhánh huyện Nghi Xuân	Khối 4, thị trấn Nghi Xuân, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
Chi nhánh huyện Đức Thọ	Xóm Cầu Đồi, xã Đức Yên, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
Chi nhánh huyện Hương Sơn	Khối 1, thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
Chi nhánh huyện Hương Khê	Khối 8, thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh
Chi nhánh huyện Vũ Quang	Thị trấn Vũ Quang, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh

### **1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2015, Công ty lần đầu tiên áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009. Thông tư 200/2014/TT-BTC cũng thể hiện sự thay đổi trong cách trình bày một số khoản mục trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Công ty đã trình bày và phân loại lại các số liệu so sánh cho phù hợp với cách trình bày mới. Chi tiết về việc phân loại lại các số liệu so sánh được trình bày tại Thuyết minh số 33 Thuyết minh báo cáo tài chính.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

### **2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

#### **3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **3.2 NGOẠI TỆ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền ngoại tệ, ký quỹ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

#### **3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

02106  
ÔNG T  
ỀM T  
VẤN U  
.HI N  
MIỀN T  
VINH-T



### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

#### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

##### **3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

##### **3.5 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng hóa được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

2-002-C  
TNHH  
ÁN VÀ  
HY-AC  
ÁNH  
RUNG  
NGHỆ AN



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.6 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
- Máy móc, thiết bị	06 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 15
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

#### 3.7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

**Nguyên giá**

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được trình bày theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được trình bày theo nguyên giá và không tính khấu hao





## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

#### **3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

#### **3.10 NỢ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ.

#### **3.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản phải trả phát sinh do mua hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ nhà cung cấp và được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng chưa có hoá đơn, hoặc chưa có đầy đủ hồ sơ tài liệu kế toán.

#### **3.12 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

#### **3.13 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước: Số tiền khách hàng trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua công cụ nợ, chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, doanh thu tương ứng với giá trị hàng hoá, dịch vụ, số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống mà công ty ghi nhận theo và các khoản khác. Công ty ghi nhận theo nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.14 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Các chi phí phát sinh liên quan đến việc phát hành thêm cổ phiếu (trừ các ảnh hưởng thuế) được ghi giảm trừ thặng dư vốn cổ phần

Các quỹ dự trữ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội cổ đông. Từ năm 2015, quỹ dự phòng tài chính không được sử dụng và số dư quỹ này được chuyển sang quỹ đầu tư phát triển.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### 3.15 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong kỳ.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

##### Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

#### **3.16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

##### Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

##### Thuế khác

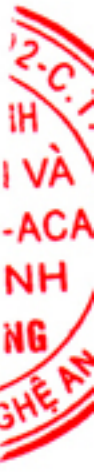
Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **3.17 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.





## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **3.18 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý. Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân chia bao gồm tài sản và nợ phải trả, thu nhập hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp lợi nhuận và lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

### **3.19 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

#### Ghi nhận ban đầu

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác.

##### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

#### Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	781.618.782	1.146.680.294
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.605.351.195	11.314.201.518
Tiền đang chuyển	1.009.752.000	506.048.300
<b>Tổng</b>	<b>10.396.721.977</b>	<b>12.966.930.112</b>

**5. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.276.764.445</b>	-	<b>2.119.441.490</b>	-
- Tạm ứng của các nhân viên đã nghỉ	24.845.444	-	24.845.444	-
- Phải thu tiền hàng của Trình dược	285.270.585	-	385.021.570	-
- Phải thu tiền hàng tồn bảo hiểm	-	-	101.953.654	-
- Nhân viên mượn tiền	800.000.000	-	-	-
- Tạm ứng	1.146.102.795	-	1.077.382.933	-
- Phải thu khác	1.020.545.621	-	530.237.889	-

**6. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	14.355.949.375	-	13.627.678.156	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	19.969.090	-
Chi phí SXKD dở dang	1.521.750.463	-	1.842.219.741	-
Thành phẩm	18.112.530.713	-	12.132.316.644	-
Hàng hóa	11.534.556.654	-	10.672.291.254	-
Hàng gửi bán	5.388.155.089	-	7.877.132.863	-
<b>Tổng</b>	<b>50.912.942.294</b>	-	<b>46.171.607.748</b>	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**7. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN**

**Xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Dự án Nhà máy Đông dược và Tổng kho tại Cẩm Xuyên	-	15.048.474.767
Công trình Trụ sở làm việc - Chi nhánh Can Lộc	1.862.020.031	-
Công trình khác	164.090.909	-
<b>Tổng</b>	<b><u>2.026.110.940</u></b>	<b><u>15.048.474.767</u></b>

2106  
CÔNG TY  
HÀ TĨNH  
VĂN U  
HI N  
MIỄN  
VINH-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	55.328.710.215	43.282.059.951	5.993.040.477	612.240.399	105.216.051.042
Số tăng trong năm	11.506.624.996	10.473.940.486	445.909.091	-	22.426.474.573
- Mua trong năm	-	1.784.076.727	445.909.091	-	2.229.985.818
- Đầu tư XDCB hoàn thành	11.506.624.996	8.689.863.759	-	-	20.196.488.755
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>66.835.335.211</b>	<b>53.756.000.437</b>	<b>6.438.949.568</b>	<b>612.240.399</b>	<b>127.642.525.615</b>
<b>Trong đó:</b>					
- Đã hết khấu hao còn sử dụng	4.538.085.126	9.491.225.111	565.500.000	200.848.719	14.795.658.956
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	14.859.001.833	17.148.755.884	2.483.717.612	369.172.016	34.860.647.345
Số tăng trong năm	4.565.888.378	5.468.809.001	736.722.931	116.687.300	10.888.107.610
- Khấu hao trong năm	4.565.888.378	5.468.809.001	736.722.931	116.687.300	10.888.107.610
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>19.424.890.211</b>	<b>22.617.564.885</b>	<b>3.220.440.543</b>	<b>485.859.316</b>	<b>45.748.754.955</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	40.469.708.382	26.133.304.067	3.509.322.865	243.068.383	70.355.403.697
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>47.410.445.000</b>	<b>31.138.435.552</b>	<b>3.218.509.025</b>	<b>126.381.083</b>	<b>81.893.770.660</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài nên Công ty không trích khấu hao. Nguyên giá tài sản này tại thời điểm 31/12/2015 là 1.301.600.000 VND.

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>26.785.593</b>	<b>774.697.533</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	26.785.593	774.697.533
<b>Dài hạn</b>	<b>7.319.947.354</b>	<b>9.730.645.764</b>
- Chi phí san nền, giải phóng mặt bằng, khảo sát ở Cẩm Vịnh	5.058.697.808	5.843.250.304
- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	2.261.249.546	3.887.395.460





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**11. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

**a) Vay ngắn hạn**

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
		trả nợ				trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Hà Tĩnh (i)	18.887.328.947	18.887.328.947	71.895.504.958	66.642.100.176	13.633.924.165	13.633.924.165
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Hà Tĩnh (ii)	8.326.102.216	8.326.102.216	107.382.121.151	117.599.203.278	18.543.184.343	18.543.184.343
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Tĩnh (iii)	4.600.000.000	4.600.000.000	33.041.281.561	32.751.309.421	4.310.027.860	4.310.027.860
<b>Tổng</b>	<b>31.813.431.163</b>	<b>31.813.431.163</b>	<b>212.318.907.670</b>	<b>216.992.612.875</b>	<b>36.487.136.368</b>	<b>36.487.136.368</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

(i) Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 15/3561/VCB.Hti ngày 18/06/2015 với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Hà Tĩnh; Hạn mức dư nợ: 20.000.000.000 VND; Mục đích vay: thanh toán tiền mua nguyên liệu sản xuất thuốc chữa bệnh và thuốc kinh doanh; Thời hạn vay: 03 tháng kể từ ngày rút vốn (theo từng giấy nhận nợ). Lãi suất vay: chi tiết theo từng giấy nhận nợ.

(ii) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2015/511085/HĐTD ngày 22/05/2015 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tĩnh; Hạn mức thường xuyên theo mức dư nợ tối đa với số tiền là 30.000.000.000 VND; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động; Tài sản đảm bảo: thế chấp tài sản gắn liền với đất số 03/2010/HĐTC ngày 28/05/2010; Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2010/HĐTC ngày 28/05/2010 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2010/HĐTC ngày 28/05/2010; Lãi suất: được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

(iii) Hợp đồng tín dụng số 15040112//2015/HĐTDHM/NHCT430-CTYDUOCHATINH ngày 25/11/2015 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Tĩnh; Hạn mức cho vay với tổng dư nợ vay tại mọi thời điểm không vượt quá 15.000.000.000 VND; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất, kinh doanh ngành dược; Thời hạn vay: theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng; Lãi suất vay: lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ; Tài sản thế chấp theo 02 hợp đồng bao gồm: Hợp đồng thế chấp công trình xây dựng số 15040081 ký ngày 10/08/2015 giữa Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh - CN dược phẩm huyện Can Lộc và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Tĩnh; Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 15040180 ký ngày 25/11/2015 giữa Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Tĩnh.







**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**11. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**b) Vay dài hạn (tiếp)**

(v) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tĩnh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014/511085/HĐTD ngày 21/05/2014 với hạn mức vay tối đa là 30.000.000.000 VND; Mục đích vay dùng để bổ sung vốn lưu động; Hình thức đảm bảo tiền vay: Chi tiết theo các hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2010/HĐTC ngày 28/05/2010, số 02/2010/HĐTC ngày 28/05/2010 và số 03/2010/HĐTC ngày 28/05/2010.

(vi) Hợp đồng tín dụng số 15040060/2015/HĐTDDA/NHCT430-CTYDUOCHATINH ngày 11/08/2015 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Tĩnh; Số tiền vay không vượt quá 2.500.000.000 VND được giải ngân một lần hoặc nhiều lần vào bất kỳ thời điểm nào trong vòng 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay: thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án Xây trụ sở làm việc, quầy bán hàng kiêm kho chi nhánh dược phẩm Can Lộc; Thời hạn vay là 54 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Thời gian ân hạn là 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất vay: theo từng giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp công trình xây dựng số 15040081 ký ngày 10/08/2015 giữa Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh - Chi nhánh Dược phẩm huyện Can Lộc và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>01/01/2015</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số thực nộp</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	475.265.761	4.433.491.933	4.630.458.825	278.298.869
Thuế TTĐB	775.712.707	2.126.885.950	2.730.168.368	172.430.289
Thuế XK, NK	-	3.368.988	3.368.988	-
Thuế TNDN	(173.851.761)	1.895.989.725	1.637.566.285	84.571.679
Thuế TNCN	53.267.589	348.901.140	350.536.825	51.631.904
Thuế tài nguyên	-	600.000	600.000	-
Thuế nhà đất	-	316.786.675	316.786.675	-
Thuế khác	-	113.852.403	113.852.403	-
Phí, lệ phí	-	37.540.256	37.540.256	-
<b>Trong đó</b>				
Trình bày là phải thu	173.851.761			-
Trình bày là phải trả	1.304.246.057			586.932.741

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.984.293.847</b>	<b>1.265.893.168</b>
Chi phí bán hàng phải trả	2.965.647.047	1.191.988.000
Khác	18.646.800	73.905.168

**14. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.692.036.971</b>	<b>4.551.334.454</b>
Kinh phí công đoàn	186.764.916	289.798.528
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	241.718.452	507.457.518
Phải trả Dự án SRDP-IWMC	1.048.000.000	-
Tiền ký cược của trình dược viên	2.956.162.642	1.878.500.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	15.200.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.244.190.961	1.875.578.408



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**15. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Số dư đầu năm	746.801.302	246.801.302
- Bổ sung nguồn quỹ trong năm	1.106.000.000	500.000.000
- Sử dụng quỹ trong năm	(344.833.579)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.507.967.723</b>	<b>746.801.302</b>

2108  
CÔNG TY  
M TO  
VẤN U  
HI NH  
IÊN T  
/NH-T.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>58.513.100.000</b>	<b>2.223.600.000</b>	<b>5.575.212.342</b>	<b>1.515.598.442</b>	<b>4.036.751.390</b>	<b>71.864.262.174</b>
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	5.520.570.523	5.520.570.523
Tăng khác	-	-	-	-	1.540.563.830	1.540.563.830
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(5.626.077.580)	(5.626.077.580)
Giảm khác	-	-	-	-	(125.133.979)	(125.133.979)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>58.513.100.000</b>	<b>2.223.600.000</b>	<b>5.575.212.342</b>	<b>1.515.598.442</b>	<b>5.346.674.184</b>	<b>73.174.184.968</b>
<b>Số dư đầu năm nay (i)</b>	<b>58.513.100.000</b>	<b>2.223.600.000</b>	<b>7.090.810.784</b>	-	<b>5.346.674.184</b>	<b>73.174.184.968</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	8.395.219.461	8.395.219.461
Phân phối lợi nhuận (ii)	-	-	500.000.000	-	(5.520.570.523)	(5.020.570.523)
Giảm khác (iii)	-	-	-	-	(791.559.652)	(791.559.652)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>58.513.100.000</b>	<b>2.223.600.000</b>	<b>7.590.810.784</b>	-	<b>7.429.763.470</b>	<b>75.757.274.254</b>

(i) Phân loại lại theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu (tiếp)**

(ii) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCD ngày 27/03/2015, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

- Trích Quỹ Đầu tư phát triển	500.000.000
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	339.522.523
- Chia cổ tức (8% trên Vốn đầu tư của chủ sở hữu)	4.681.048.000
<b>Cộng</b>	<b>5.520.570.523</b>

(iii) Các khoản giảm khác trong LN sau thuế bao gồm:

- Chi nộp truy thu, phạt thuế	308.822.432
- Xử lý các số dư tồn đọng	482.737.220
<b>Cộng</b>	<b>791.559.652</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2015	Tỷ lệ	01/01/2015	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Nhà nước (SCIC)	-	-	13.959.000.000	23,86
Vốn góp của các đối tượng khác	58.513.100.000	100,00	44.554.100.000	76,14
- Do pháp nhân nắm giữ	3.400.000.000	5,81	3.400.000.000	5,81
- Do thể nhân nắm giữ	55.113.100.000	94,19	41.154.100.000	70,33
<b>Tổng</b>	<b>58.513.100.000</b>	<b>100,00</b>	<b>58.513.100.000</b>	<b>100,00</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	58.513.100.000	58.513.100.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	58.513.100.000	58.513.100.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.681.048.000	5.266.179.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	4.681.048.000	5.266.179.000
- Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	-	-
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.851.310	5.851.310
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.851.310	5.851.310
- Cổ phiếu phổ thông	5.851.310	5.851.310
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.851.310	5.851.310
- Cổ phiếu phổ thông	5.851.310	5.851.310
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND / cổ phiếu

**17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Đơn vị	31/12/2015	01/01/2015
Ngoại tệ các loại			
- USD	USD	358,83	1.699,61





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng	364.249.138.013	322.094.693.487
<b>Tổng</b>	<b>364.249.138.013</b>	<b>322.094.693.487</b>

**19. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chiết khấu thương mại	2.383.776.920	2.953.288.774
Giảm giá hàng bán	1.225.668.417	2.520.000
Hàng bán bị trả lại	3.768.040.968	1.307.424.092
<b>Tổng</b>	<b>7.377.486.305</b>	<b>4.263.232.866</b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn của hàng bán	275.490.200.918	250.995.638.666
<b>Tổng</b>	<b>275.490.200.918</b>	<b>250.995.638.666</b>

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	153.288.516	211.009.531
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	307.337	7.162.034
<b>Tổng</b>	<b>153.595.853</b>	<b>218.171.565</b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền vay	4.496.415.117	5.060.872.587
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	113.924.422	61.263.111
Chi phí tài chính khác	1.738.880	-
<b>Tổng</b>	<b>4.612.078.419</b>	<b>5.122.135.698</b>





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Chi phí nhân công	16.932.194.323	15.250.546.019
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.882.136.234	1.640.827.824
Chi phí các chương trình bán hàng	12.204.439.230	8.676.324.668
Chi phí khác	17.981.135.887	17.494.720.964
<b>Tổng</b>	<b><u>48.999.905.674</u></b>	<b><u>43.062.419.475</u></b>

**24. THU NHẬP KHÁC**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	62.727.273
Các khoản khác	60.043.094	1.207.907.208
<b>Tổng</b>	<b><u>60.043.094</u></b>	<b><u>1.270.634.481</u></b>

**25. CHI PHÍ KHÁC**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Các khoản bị phạt	53.627.530	107.081.521
Các khoản khác	107.770	183.048
<b>Tổng</b>	<b><u>53.735.300</u></b>	<b><u>107.264.569</u></b>

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	198.368.214.291	168.783.505.364
Chi phí nhân công	44.889.655.806	35.835.958.826
Chi phí khấu hao TSCĐ	10.888.107.610	7.349.950.357
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.524.333.904	4.893.005.334
Chi phí khác bằng tiền	34.201.668.298	61.678.102.199
<b>Tổng</b>	<b><u>295.871.979.909</u></b>	<b><u>278.540.522.080</u></b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

##### Thuế suất

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty là 22% lợi nhuận chịu thuế.

Đối với hoạt động của Dự án Khu liên hợp sản xuất dược phẩm Hatipharco (gọi là "Dự án"), Công ty được miễn thuế 02 năm, giảm 50% số thuế phải nộp cho 04 năm tiếp theo. Áp dụng mức thuế suất 20% trong thời gian 10 năm kể từ khi Công ty có doanh thu. Năm 2015 là năm thứ 02 Công ty được miễn thuế thu nhập từ Dự án.

Công ty không hạch toán riêng thu nhập của hoạt động của Dự án với các hoạt động không được ưu đãi thuế. Do đó thu nhập của Dự án được xác định theo tỷ lệ giữa doanh thu của Dự án trên tổng doanh thu của Công ty.

##### Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận trước thuế	10.087.180.001	6.872.175.350
Điều chỉnh tăng	53.735.300	107.081.521
- Các khoản phạt	53.735.300	107.081.521
Điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	10.140.915.301	6.979.256.871
Thu nhập từ hoạt động của Dự án	2.450.185.576	835.598.568
Thu nhập từ hoạt động chịu thuế suất phổ thông	7.690.729.725	6.143.658.303
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.691.960.540</b>	<b>1.351.604.827</b>

Theo Quyết định số 1847/QĐ-CT ngày 26/08/2015 của Cục thuế Hà Tĩnh, phần thu nhập từ hoạt động của Dự án năm 2014 chưa được hưởng ưu đãi thuế TNDN do đến thời điểm kiểm tra Công ty chưa được cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Công ty thực hiện điều chỉnh phi hồi tố ảnh hưởng này vào trong năm 2015 nên không điều chỉnh số liệu so sánh.

### 28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	8.395.219.461	5.520.570.523
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	8.395.219.461	5.520.570.523
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.851.310	5.851.310
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.435</b>	<b>943</b>





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**29. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty lựa chọn báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt do khu vực địa lý. Cụ thể:

Chi tiêu	Hà Tĩnh VND	Hà Nội VND	TP Hồ Chí Minh VND	Thanh Hóa VND	Tổng cộng toàn Công ty VND
<b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>					
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	288.808.633.204	39.834.973.847	18.962.984.495	9.265.060.162	356.871.651.708
Khấu hao và chi phí phân bổ	218.833.695.789	32.560.181.455	15.752.286.684	8.344.036.990	275.490.200.918
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	69.974.937.415	7.274.792.392	3.210.697.811	921.023.172	81.381.450.790
<b>TÀI SẢN</b>					
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	22.426.474.573	-	-	-	22.426.474.573
Tài sản bộ phận	188.617.914.586	12.962.253.454	7.314.334.965	4.223.697.048	213.118.200.053
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>					
Nợ phải trả bộ phận cuối năm	134.838.277.650	1.290.731.969	1.150.859.307	81.056.873	137.360.925.799



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên góp vốn thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần và phần vốn góp của các thành viên góp vốn của Công ty gồm vốn góp các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.19.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.396.721.977	-	12.966.930.112	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	57.531.517.946	-	49.196.744.320	-
<b>Tổng</b>	<b>67.928.239.923</b>	<b>-</b>	<b>62.163.674.432</b>	<b>-</b>

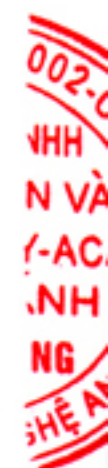
	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	77.424.740.503	86.337.589.485
Phải trả người bán, phải trả khác	48.776.262.174	40.071.453.195
Chi phí phải trả	2.984.293.847	1.265.893.168
<b>Tổng</b>	<b>129.185.296.524</b>	<b>127.674.935.848</b>

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến rủi ro thị trường.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và dòng tiền của các khoản gốc.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp)**

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>				
Vay và nợ	31.813.431.163	45.611.309.340	-	77.424.740.503
Phải trả người bán, phải trả khác	48.776.262.174	-	-	48.776.262.174
Chi phí phải trả	2.984.293.847	-	-	2.984.293.847
<b>Tổng</b>	<b>83.573.987.184</b>	<b>45.611.309.340</b>	<b>-</b>	<b>129.185.296.524</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Vay và nợ	36.487.136.368	49.850.453.117	-	86.337.589.485
Phải trả người bán, phải trả khác	40.071.453.195	-	-	40.071.453.195
Chi phí phải trả	1.265.893.168	-	-	1.265.893.168
<b>Tổng</b>	<b>77.824.482.731</b>	<b>49.850.453.117</b>	<b>-</b>	<b>127.674.935.848</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính chưa gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.396.721.977	-	-	10.396.721.977
Phải thu khách hàng, phải thu khác	57.531.517.946	-	-	57.531.517.946
<b>Tổng</b>	<b>67.928.239.923</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>67.928.239.923</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.966.930.112	-	-	12.966.930.112
Phải thu khách hàng, phải thu khác	49.196.744.320	-	-	49.196.744.320
<b>Tổng</b>	<b>62.163.674.432</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>62.163.674.432</b>





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**31. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**32. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2015</u> VND	<u>Năm 2014</u> VND
<b>Tạm ứng</b>			
- Lê Sỹ Tuấn	Ủy viên BKS	67.000.000	90.000.000
- Lê Quốc Khánh	Ủy viên HĐQT, Phó TGĐ	-	12.000.000
- Lê Hồng Phúc	Chủ tịch HĐQT, Tổng GD	-	22.000.000
- Đào Viết Hương	Ủy viên HĐQT, Phó TGĐ	-	6.000.000
<b>Hoàn tạm ứng</b>			
- Lê Sỹ Tuấn	Ủy viên BKS	112.539.800	57.641.000
- Lê Quốc Khánh	Ủy viên HĐQT, Phó TGĐ	-	12.000.000
- Lê Hồng Phúc	Chủ tịch HĐQT, Tổng GD	-	22.000.000
- Đào Viết Hương	Ủy viên HĐQT, Phó TGĐ	-	6.000.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2015</u> VND	<u>01/01/2015</u> VND
<b>Phải thu tạm ứng</b>			
- Nguyễn Thị Bích Xuân	Ủy viên BKS	-	3.406.800
- Võ Đức Nhân	Ủy viên HĐQT, Phó TGĐ	775.000.000	75.000.000
- Lê Sỹ Tuấn	Ủy viên BKS	4.072.200	49.612.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2015</u> VND	<u>Năm 2014</u> VND
- Thu nhập của Ban Giám đốc, HĐQT và Ban kiểm soát	2.237.883.541	1.921.693.501



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**33. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA - Chi nhánh Miền Trung. Trong đó, một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này, do Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC về Chế độ kế toán doanh nghiệp. Cụ thể:

	Mã số	Phân loại lại VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND	Chênh lệch VND
<b>a) Bảng Cân đối kế toán</b>				
- Tài sản ngắn hạn khác	158	-	1.077.382.933	(1.077.382.933)
- Phải thu ngắn hạn khác	136	2.119.441.490	1.042.058.557	1.077.382.933
- Quỹ Dự phòng tài chính	418	-	1.515.598,442	(1.515.598.442)
- Quỹ Đầu tư phát triển	418	7.090.810.784	5.575.212.342	1.515.598.442
<b>b) Báo cáo Kết quả kinh doanh</b>				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	322.094.693.487	324.754.636.689	(2.659.943.202)
- Các khoản giảm trừ doanh thu	02	4.263.232.866	6.923.176.068	(2.659.943.202)

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu

BÙI THỊ HOA

Kế toán trưởng

NGUYỄN ĐĂNG PHÁT

Tổng Giám đốc



LÊ HỒNG PHÚC

